

Số: 19 /NQ-HĐT

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm
- Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHĐN NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3863/QĐ-HĐĐH ngày 05/11/2020 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3864/QĐ-HĐĐH ngày 05/11/2020 về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13b/NQ-HĐT ngày 28/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN tại Kỳ họp thứ V, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN tại Tờ trình số 897/TTr-ĐHSP ngày 25/8/2021 về việc đề nghị Hội đồng trường ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày kí.



Điều 3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các tổ chức và các cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng ĐHĐN, GD ĐHĐN (để báo cáo);
- Đảng ủy Trường ĐHSP (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, HĐT. 

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



PGS. TS. Võ Văn Minh





**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm Nghị quyết số 19 /NQ-HĐT, ngày 30 tháng 9 năm 2021
của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm)

I. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ. Là trường thành viên thuộc ĐHĐN; thực hiện tự chủ theo quy định của Chính phủ, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; chịu sự quản lý trực tiếp của ĐHĐN, quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và quản lý về lãnh thổ của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Trường có chức năng và nhiệm vụ là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHĐN; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHĐN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa cấp. Nhà trường đang triển khai đào tạo 33 ngành ở trình độ đại học, 17 ngành trình độ thạc sĩ (ThS), 07 ngành trình độ tiến sĩ (TS) và 30 chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chứng nhận. Nhà trường đã vinh dự được các cấp chính quyền, đoàn thể tại trung ương và địa phương trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Năm 2016, Nhà trường được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Giai đoạn mới với những thời cơ, thách thức và nhiệm vụ mới, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP - ĐHĐN giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 xác định rõ sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII của Đảng bộ Trường ĐHSP; đưa Trường ĐHSP - ĐHĐN trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia và là một trong những trường đại học nghiên cứu hàng đầu trong cả nước và khu vực Đông Nam Á.

II. SỨ MẠNG - TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mạng

Trường ĐHSP - ĐHĐN đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; NCKH và chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học

giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường ĐHSP - ĐHĐN trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, NCKH đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo.

3. Giá trị cốt lõi

Tôn trọng - Sáng tạo - Chất lượng

Tôn trọng: là định hướng trong từng hành động của người làm giáo dục. Luôn tôn trọng các quy định, tôn trọng người khác và tôn trọng bản thân.

Sáng tạo: là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Đổi mới cách nghĩ, cách làm, hình thành tri thức mới, đón nhận sự thay đổi, thích ứng với hoàn cảnh để phát triển.

Chất lượng: là yếu tố tạo nên sự tồn tại và phát triển bền vững. Chất lượng giáo dục ngày càng cao là uy tín, danh dự và thương hiệu của Nhà trường.

4. Triết lý giáo dục

Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp

Toàn diện: người học được đào tạo, bồi dưỡng có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ; đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Khai phóng: giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, hình thành những kỹ năng cần thiết để vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau; đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Sáng tạo: người học phát triển tư duy độc lập, sáng tạo; làm cơ sở để tạo ra những sáng kiến, cải tiến và phát minh khoa học trong nghiên cứu, dạy học và công việc.

Thực nghiệp: thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học đi đôi với hành, những kiến thức tiếp nhận từ Nhà trường được vận dụng hiệu quả, linh hoạt vào hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

III. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC CHUNG

1. Mục tiêu chiến lược chung

Trước bối cảnh mới, Trường ĐHSP - ĐHĐN xác định mục tiêu chiến lược là:

- Xây dựng và phát triển Nhà trường theo định hướng ứng dụng đến năm 2025 trở thành trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia và năm 2030 xếp hạng 05 sao theo UPM và cùng với ĐHĐN nằm trong nhóm 150 đại học hàng đầu của Đông Nam Á theo bảng xếp hạng QS;

- Chuyển đổi số trong các hoạt động Nhà trường và xây dựng đại học thông minh thích ứng với yêu cầu của công nghiệp 4.0;

- Xây dựng hệ thống quản trị Nhà trường đảm bảo tính hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng với sự thay đổi trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới công tác quản lý theo hướng phân quyền, trao quyền và nêu cao trách nhiệm giải trình;

- Đổi mới toàn diện các chương trình đào tạo (CTĐT), bồi dưỡng giáo viên đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018;

- Phát triển mạng lưới vệ tinh của Nhà trường ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên;

- Tập trung nghiên cứu chuyên sâu 03 lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên; phục vụ đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội;

- Chuyên nghiệp hóa công tác truyền thông; chú trọng đến công tác truyền thông nội bộ;

- Xây dựng lộ trình tự chủ đại học tiến đến tự chủ toàn diện vào năm 2030.

2. Giải pháp chiến lược chung

a) Mục tiêu:

Các giải pháp chiến lược của Nhà trường nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược đã đề ra là:

- Xây dựng chính sách hỗ trợ để thúc đẩy các hoạt động tư vấn, tham vấn, phản biện xã hội và phục vụ cộng đồng;

- Rà soát, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo đúng lĩnh vực chuyên môn; phân định rõ thẩm quyền của từng vị trí lãnh đạo, quản lý;

- Xây dựng hệ thống mô tả công việc và quy trình làm việc cho các bộ phận;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, tuyển dụng bổ sung và ban hành các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Tập trung nguồn lực cho công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên;

- Triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu nguồn lực của xã hội và kiểm định chất lượng;

- Xây dựng kế hoạch và đầu tư nguồn lực để cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo tính chính xác, khách quan, tin cậy;

- Quy hoạch đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao để thực hiện các chương trình khoa học lớn và tham gia phản biện xã hội;

- Mở rộng địa bàn liên kết đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác NCKH, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong phạm vi cả nước, trong đó chú trọng các địa phương ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và Nam Bộ;

- Mở rộng hợp tác với các quốc gia trên thế giới, trong đó chú trọng các nước khu vực Đông Nam Á và Châu Á trên tinh thần chủ động, năng động và có chính sách thu hút;

- Xây dựng kế hoạch tài chính theo hướng đa dạng hoá nguồn thu, cân đối hợp lý cho đầu tư phát triển và nâng cao đời sống cho cán bộ viên chức (CBVC);
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác thông tin; đa dạng hóa các sản phẩm và phương thức truyền thông;
- Xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện đúng lộ trình tự chủ đại học.

IV. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ

1. Đội ngũ

a) Mục tiêu:

Tăng cường về số lượng; chuẩn hóa và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên (GV), cán bộ quản lý, cán bộ phục vụ.

b) Giải pháp:

- Quy hoạch đội ngũ đáp ứng nhu cầu đề án vị trí việc làm, phù hợp với sự phát triển ngành nghề đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh;
- Xây dựng quy chế đánh giá xếp loại các đơn vị định hướng theo mô hình quản trị mục tiêu; thiết lập bộ công cụ đo lường, đánh giá hiệu quả làm việc của CBVC và người lao động;
- Quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kế cận; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực; tuyển dụng bổ sung cũng như ban hành các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ GV về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quá trình hội nhập quốc tế;
- Tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ chuyên viên, người lao động.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Số lượng GV	239	335	410
2	Tỉ lệ TS/GV (%)	43,9	52	60
3	Tỉ lệ giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS)/GV (%)	5,9	14	16
4	Tỉ lệ chuyên viên, người lao động/đội ngũ (%)	34,8	29	24

2. Cơ sở vật chất

a) Mục tiêu:

Xây dựng cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ đào tạo và NCKH theo hướng hiện đại, đồng bộ và hiệu quả; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong mọi mặt hoạt động của Nhà trường.

b) Giải pháp:

- Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu và đánh giá nhằm hỗ trợ công tác cải tiến liên tục chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT;
- Phát triển thư viện số và tài nguyên số phù hợp với Chiến lược chuyển đổi số quốc gia;
- Các ngành đào tạo xây dựng kế hoạch chiến lược nghiên cứu, quy mô đào tạo và CSVC cần thiết đầu tư trong trung hạn và dài hạn. Từ đó phát triển hệ thống các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường;
- Xác định các hạng mục CSVC ưu tiên và tập trung nguồn lực tài chính từ nội lực để đầu tư phát triển;
- Xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tiếp cận các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, vốn vay ngân hàng, nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức/đoàn nghiệp trong và ngoài nước đồng thời đảm bảo nguồn vốn đối ứng để triển khai dự án;
- Xây dựng kế hoạch quản lý và phát triển CSVC hiệu quả, có chính sách thu hút đội ngũ kỹ thuật cao.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Công trình xây dựng đáp ứng theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT (%)	70	80	90
2	Hệ thống thí nghiệm/thực hành đáp ứng theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT (%)	70	80	90
3	Công nghệ thông tin và tài nguyên số đánh giá theo bộ tiêu chí UPM (điểm)	50	80	95
4	Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đánh giá theo bộ tiêu chí UPM (điểm)	15	30	40

3. Tài chính**a) Mục tiêu:**

Mở rộng và đa dạng hóa nguồn thu. Ưu tiên chi cho các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu theo nguyên tắc công khai minh bạch. Từng bước tăng cường cơ chế tự chủ tài chính.

b) Giải pháp:

- Đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở mở rộng các loại hình đào tạo bồi dưỡng. Đặc biệt là đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy;
- Xây dựng kế hoạch phân bổ tài chính theo mục tiêu ưu tiên;
- Điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng ưu tiên khoán chi các hạng mục được Nhà nước cho phép;

- Xây dựng chính sách, giải pháp cụ thể để tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế;

- Tìm kiếm, huy động nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới, các tổ chức tín dụng khác để đầu tư nâng cao nguồn lực CSVC cho Nhà trường.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Tổng nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước (triệu đồng)	80.109	130.864	191.055
2	Mức độ tự chủ tài chính (%)	67	97	100
3	Thu nhập bình quân (triệu đồng)	16	22,5	33,9
4	Tỉ lệ nguồn thu từ NCKH/tổng nguồn thu (%)	1,5	5	10

4. Đào tạo

a) Mục tiêu:

Phát triển CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội; đa dạng hóa các hình thức và phương thức triển khai đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, đảm bảo chất lượng đào tạo.

b) Giải pháp:

- Mở rộng đối tượng, đa dạng hình thức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để thu thập đầy đủ và chính xác nhu cầu xã hội phục vụ cho công tác phát triển CTĐT, bồi dưỡng;

- Tập trung các nguồn lực cho phát triển CTĐT sau đại học ngành Phương pháp giảng dạy;

- Mở rộng liên kết đào tạo với các nước khu vực Đông Nam Á và Châu Á trên tinh thần chủ động, năng động và có chính sách thu hút;

- Đổi mới phương thức triển khai đào tạo kết hợp giữa đào tạo trực tuyến và trực tiếp;

- Rà soát, cải tiến CTĐT đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, nhu cầu xã hội;

- Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra học phần và CTĐT.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Tổng số chương trình đào tạo	57	65	74
2	Tỉ lệ chương trình đào tạo sau đại học/tổng số chương trình (%)	42	46	53
3	Số chương trình liên kết đào tạo quốc tế	01	03	08
4	Quy mô đào tạo chính quy	7.800	9.000	10.000
5	Tỉ lệ học viên sau đại học/quy mô (%)	13	15	20
6	Quy mô người học quốc tế	26	80	200

5. Nghiên cứu khoa học

a) Mục tiêu:

Quy hoạch đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao để thực hiện các chương trình khoa học lớn; xây dựng chiến lược khoa học công nghệ gắn với đào tạo và kế hoạch khoa học công nghệ quốc gia, các địa phương.

b) Giải pháp:

- Ưu tiên phát triển đội ngũ khoa học, chuyên gia đầu ngành;
- Có chính sách thúc đẩy hoạt động các nhóm nghiên cứu mạnh liên ngành, liên trường để thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ lớn, tăng khả năng công bố quốc tế và chuyển giao công nghệ;
- Tìm kiếm các nguồn đầu tư về CSVN phục vụ cho NCKH;
- Hợp tác với các trường đại học khác có cùng thể mạnh ở trong và ngoài nước để sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và vật lực;
- Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu của các địa phương để đề xuất các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với từng tỉnh/thành phố.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Số bài báo ISI và Scopus/năm	60	120	200
2	Tổng số đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, tài trợ của các quỹ phát triển khoa học công nghệ/5 năm	0	5	10
3	Số đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, cấp Bộ của GV/năm	30	45	60
4	Số đề tài NCKH sinh viên (SV)/năm	100	160	250
5	Số hội thảo quốc gia, quốc tế/năm	1	3	6

6. Hỗ trợ người học

a) Mục tiêu:

Quản lý người học đồng bộ trên nền tảng công nghệ số; hỗ trợ SV trong rèn luyện kỹ năng mềm, học bổng và việc làm; tạo môi trường sinh hoạt, rèn luyện đa dạng và hiện đại; nâng cao mức độ hài lòng người học về các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.

b) Giải pháp:

- Thành lập Quỹ hỗ trợ SV từ nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp, mạnh thường quân, cựu SV...
- Xây dựng các mô hình rèn luyện kỹ năng theo câu lạc bộ, đội, nhóm;
- Liên kết hợp tác với các doanh nghiệp, kí kết hỗ trợ thực tập, kiến tập và tuyển dụng;

- Áp dụng công nghệ số trong tất cả hoạt động quản lí, cung cấp cho người học các dịch vụ chuyên nghiệp.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Học bổng ngoài ngân sách (tỉ đồng)	2	3	5
2	Số câu lạc bộ, đội, nhóm	10	25	25
3	Tỉ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp (%)	61	90	90
4	Tỉ lệ SV hài lòng với dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường (%)	80	>90	>90

7. Hợp tác

a) Mục tiêu:

Mở rộng địa bàn hợp tác đào tạo, NCKH, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong phạm vi cả nước và trên thế giới; trong đó, chú trọng các địa phương ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Nam Bộ và các nước khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

b) Giải pháp:

- Xây dựng chính sách để các trường/doanh nghiệp và hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào tất cả lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;
- Chủ động tìm kiếm, đề xuất tham gia các dự án NCKH và phục vụ cộng đồng được tài trợ bởi các tổ chức trong và ngoài nước;
- Đa dạng hóa các kênh hợp tác quốc tế để trao đổi SV, GV trong học tập và giảng dạy và NCKH;
- Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo trong các lĩnh vực có thế mạnh của Nhà trường.
- Tập trung quảng bá tuyển sinh ở các nước Đông Bắc Á, Nam Á và Đông Nam Á để thu hút SV quốc tế trong các ngành có thế mạnh của Nhà trường so với các đơn vị khác.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Số trường đại học/doanh nghiệp kí kết hợp tác/năm	2	6	10
2	Số GV quốc tế làm việc tại Trường/năm	0	10	20
3	Số SV quốc tế trao đổi, học tập ngắn hạn/năm	100	160	300
4	Số chương trình trao đổi SV quốc tế triển khai/năm	2	4	8

8. Truyền thông và Phục vụ cộng đồng

a) Mục tiêu:

Tăng cường gắn kết và phục vụ cộng đồng để phát triển bền vững. Áp dụng mô hình “học tập thông qua phục vụ cộng đồng” để vừa hoàn thiện các kiến thức vừa rèn

luyện các kĩ năng mềm, chuẩn bị tốt cho tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; gắn kết truyền thông với các hoạt động phục vụ cộng đồng để phát triển thương hiệu Nhà trường tới xã hội.

b) Giải pháp:

- Đưa hoạt động phục vụ cộng đồng vào chuẩn đầu ra của các CTĐT;
- Xây dựng chính sách ưu tiên cho các sản phẩm NCKH và đào tạo hướng đến thực tiễn đời sống cộng đồng;
- Xây dựng lộ trình đưa mô hình “học tập thông qua phục vụ cộng đồng” vào giảng dạy trong Nhà trường;
- Xây dựng quy định về truyền thông, thông tin nội bộ; đa dạng các kênh truyền thông (ưu tiên truyền thông số).

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Tỉ lệ CBVC, người học theo dõi các kênh truyền thông của Trường (%)	30	80	100
2	Số hoạt động truyền thông về sự phát triển bền vững của cộng đồng/năm	2	10	20
3	Số hoạt động kết nối cộng đồng để tương trợ và thúc đẩy các chuẩn mực xã hội/năm	2	10	20
4	Tỉ lệ SV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng (%)	20	100	100

9. Đảm bảo và Kiểm định chất lượng giáo dục

a) Mục tiêu:

Hoàn thiện, củng cố và thúc đẩy phát triển tốt hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường ĐHSP - ĐHQĐN, đẩy mạnh kiểm định chất lượng Nhà trường và CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

b) Giải pháp:

- Thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong rõ ràng và dễ thực hiện để đáp ứng các yêu cầu kiểm định chất lượng;
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT;
- Định kì hằng năm rà soát để cải tiến liên tục chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT;
- Tổ chức tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và CTĐT;
- Huy động mọi nguồn lực cho công tác kiểm định từng bước xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường;
- Mở các lớp tập huấn cho GV về hoạt động kiểm định chất lượng;
- Cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng thuộc lĩnh vực bảo đảm chất lượng.

c) Chỉ số mục tiêu:

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
1	Trường được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	1	1	1
2	Số chương trình đào tạo tự đánh giá theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT	3	55	61
3	Số chương trình đào tạo tự đánh giá theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN-QA	0	4	10
4	Số chương trình đào tạo kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT	3	32	35
5	Số chương trình đào tạo kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN-QA	1	4	10
6	Mức độ đạt các chỉ số về đội ngũ, đào tạo, khoa học công nghệ, CSVC, tài chính, hỗ trợ người học, phục vụ cộng đồng.	80	>90	>90

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến sâu rộng Chiến lược phát triển Nhà trường đến tất cả CBVC, người lao động và người học. Đồng thời giới thiệu rộng rãi đến các bên liên quan và xã hội thông qua các kênh truyền thông của Nhà trường.

2. Xác định trị số mục tiêu cho từng năm trong gian đoạn 2020 - 2025 và xây dựng kế hoạch hành động cho từng năm tương ứng.

3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc lập kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn chính trong lộ trình đến mục tiêu.

4. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thông qua Bộ chỉ số mục tiêu để xếp loại thi đua cho các đơn vị và làm cơ sở để điều chỉnh, cập nhật Chiến lược phát triển cho phù hợp với thực tiễn./.